

PHỤ LỤC II: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ (bao gồm đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản)

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

1. THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Đường Võ Nguyên Giáp			
1.1	- Đoạn từ ngã ba Hải Quan đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768	24.682	12.320	
1.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650	20.146	10.101	
1.3	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471	16.303	8.159	
1.4	- Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu trắng (trừ đoạn Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại thành phố Điện Biên Phủ)	22.162	11.111	
1.5	- Đoạn từ cầu trắng (giáp phường Mường Thanh) đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35	15.393	7.714	
1.6	- Đoạn còn lại đến hết địa phận Thành phố (đến cầu bản Ten)	11.200	5.586	
1.7	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144	11.200	5.586	
1.8	- Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT.	7.840	3.920	
1.9	- Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận)	6.230	3.108	
2	Đường Trần Đăng Ninh			
2.1	- Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu Thanh Bình	24.689	12.320	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2.2	- Đoạn từ cầu Thanh Bình đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	24.150	12.075	
3	Đường Trường Chinh			
3.1	- Đoạn tiếp giáp Võ Nguyên Giáp đến đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường đến hết đất SN 67	15.015	7.497	
3.2	- Đoạn từ đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường từ tiếp giáp đất SN 69 đến ngã tư đường Hoàng Công Chất (Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ)	12.726	6.384	
4	Đường Nguyễn Hữu Thọ			
4.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến tiếp giáp đất cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội) đối diện sang bên kia đường là công vào Cảng hàng không	12.390	6.252	
4.2	- Đoạn từ cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội), phía bên kia đường là công vào Cảng hàng không đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Khắc Dược	7.700	3.856	
5	Đường Nguyễn Chí Thanh			
5.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã tư đường Bế Văn Đàn	24.150	12.075	
5.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã ba đường Phạm Văn Đồng	19.530	9.800	
6	Đường Bế Văn Đàn			
6.1	- Ngã ba đường Võ Nguyên Giáp (Chi nhánh ngân hàng phát triển) đến hết cầu Mường Thanh	17.500		
6.2	- Đoạn từ cầu Mường Thanh đến tiếp giáp đất Cảng hàng không (đường vào xã Thanh Luông cũ)	4.200	2.100	1.260
7	Đường cạnh Bảo tàng: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Mường Then	8.400	4.196	2.495
8	Đường Hoàng Văn Thái: Đoạn từ tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư nghĩa trang A1) đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ)	12.075	6.037	
9	Đường nối đường Hoàng Văn Thái đến đường Hoàng Công Chất (Từ ngã ba Tòa Án tỉnh cũ đến ngã tư rẽ vào công phụ Tỉnh đội)	9.905	4.968	
10	Đường Hoàng Công Chất			



STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
10.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã tư Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ	11.760	5.880	
10.2	- Đoạn từ ngã tư Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ đến ngã tư rẽ vào cổng phụ tỉnh đội, đối diện bên kia đường đến hết đất số nhà 155	8.820	4.410	
10.3	- Đoạn từ ngã tư rẽ vào cổng phụ Tỉnh Đội đến hết SN 221, đối diện bên kia đường là rẽ vào ngõ 246, SN 246	10.220	5.179	3.065
10.4	- Đoạn tiếp giáp SN 221 đối diện bên kia đường là lối rẽ vào ngõ 246, đến ngã ba rẽ vào đường Tổ Hữu (hết địa phận phường Mường Thanh). Đối diện hết đất số nhà 237	8.820	4.410	2.625
10.5	- Đoạn từ ngã ba đường Tổ Hữu (ết địa phận phường Mường Thanh). Đối diện hết đất số nhà 237 đến ngã tư đường Hoàng Văn Nô (cổng bệnh viện Đa khoa tỉnh)	6.839	3.465	2.100
10.6	- Đoạn từ ngã tư đường Hoàng Văn Nô (cổng bệnh viện Đa khoa tỉnh) đến hết đất trường Cao đẳng Y tế	5.285	2.643	
11	Đoạn tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến cổng Tỉnh đội	8.820	4.410	
12	Đường Lê Trọng Tấn			
12.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Karaoke Hoàng Gia) đến ngã tư tiếp giáp đường Phan Tư.	18.690	9.408	
12.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Phan Tư đến giáp đất Trung đoàn 82	4.599	2.293	
13	Đường Tôn Thất Tùng: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái đến cổng Tỉnh đội	5.250	2.657	
14	Quốc lộ 12: Đoạn từ ngã ba rẽ vào UBND xã Thanh Hưng đến Ngã tư C4	2.660	1.585	894
15	Đường Lò Văn Hạc: đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	8.890	3.277	
16	Đường Trần Văn Thọ: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Công An tỉnh) đến hết đất Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh	8.890	4.507	
17	Đường 13/3: Đoạn từ đất Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, đối diện là hết đất số nhà 01 đến tiếp giáp đất di tích đề kháng Him Lam, đối diện hết đất số nhà 34	5.250	2.667	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
18	Đường cạnh quảng trường 7/5: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Phan Đình Giót (trừ đoạn Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại thành phố Điện Biên Phủ)	8.890	4.495	
19	Đường Phan Đình Giót: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh UBND tỉnh) đến ngã ba tiếp giáp đường Trường Chinh (Sân vận động)	8.890	4.527	
20	Đường Trần Can: ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Quảng trường 7/5) đến ngã ba tiếp giáp đường Trường Chinh (chợ Trung tâm III)	8.890	4.435	
21	Các đường nhánh nối từ Võ Nguyên Giáp sang đường Nguyễn Chí Thanh	8.890	4.449	
22	Đường Tô Vĩnh Diện			
22.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện cây xăng công an tỉnh) đến ngã ba tiếp giáp đường 7/5	5.943	2.979	1.809
22.2	Đoạn từ tiếp giáp đường 7/5 đến hết đất nghĩa trang Him Lam	5.600	2.797	1.658
23	Đường Sùng Phái Sinh			
23.1	- Đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Chi nhánh Điện Thành Phố, bên kia đường đến ngõ vào phố 15 (phường Him Lam).	8.890	4.452	2.671
23.2	- Đoạn tiếp giáp đất Chi nhánh Điện Thành Phố, bên kia đường tiếp giáp ngõ vào phố 15 (phường Him Lam) đến ngã tư đường Nguyễn Bá Lạc	7.168	3.584	2.128
23.3	- Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Bá Lạc đến đường Hoàng Công Chất	2.800	1.456	896
24	Đường rẽ vào xí nghiệp gạch: Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường 11,5m	8.890	4.452	2.671
25	Đường Hòa Bình: Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (qua trụ sở phường Tân Thanh) đến ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (đối diện cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	8.960	4.476	2.724
26	Đường Lê Thái Tổ			
26.1	Đoạn nối từ đường ASEAN đến cầu BTCT khu TĐC Khe Chít - (Đường 17,5m Khe Chít II)	5.992		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
26.2	- Đường có khổ rộng 20,5m - Khu TĐC Thủy điện Sơn La	6.041		
26.3	- Đoạn nối tiếp khu TĐC Thủy điện Sơn La - Phường Noong Bua đến ngã tư giao nhau với đường Tôn Đức Thắng	6.027	3.021	1.859
26.4	- Đoạn từ ngã tư giao nhau đường Tôn Đức Thắng đến tiếp giáp xã Thanh Xương (hết địa phận thành phố)	4.704	2.352	1.411
27	Đường Tôn Đức Thắng			
27.1	- Đoạn từ tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái đến ngã ba suối Hồng Lú (Hết địa phận phường Mường Thanh)	6.041	3.077	1.868
27.2	- Đoạn từ ngã ba suối Hồng Lú (Hết địa phận phường Mường Thanh) đến ngã tư tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	5.691	2.839	1.747
27.3	- Đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường Lê Thái Tổ đến tiếp giáp đường Tổ Hữu	5.691	2.839	1.747
28	Đường Phạm Văn Đồng			
28.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư rạp chiếu bóng) đến cầu A1	16.520	8.308	
28.2	-Đoạn từ đầu cầu A1 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh	10.605	5.355	
29	Đường Hoàng Anh: Đoạn từ ngã ba chợ C13 đến bờ mương Độc Lập tiếp giáp xã Thanh Nưa	4.830	2.415	1.470
30	Đường Tổ Hữu: đoạn tiếp giáp đường Hoàng Công Chất, cạnh trụ sở Sở Tài Nguyên - Môi trường đến tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	6.034		
31	Đường Nguyễn Trãi			
31.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp đến cầu Bê tông thứ nhất	6.055	3.038	
31.2	- Đoạn từ cầu Bê tông thứ nhất đến bờ mương	3.486	1.750	1.050
32	Đường Hoàng Đạo Thúy: Điểm đầu tiếp giáp đường 07 tháng 5 cạnh Hồ Điều Hòa, bản Phiêng Bua; điểm cuối tiếp giáp ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu	6.034		
33	Đường Mường Then: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng đến ngã ba tiếp giáp đường Lưu Viết Thoảng	8.400	4.248	2.526
34	Đường Lưu Viết Thoảng:			
34.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp cạnh cây xăng C4 đến đầu cầu C4	8.400	4.190	2.514
34.2	- Đoạn từ cầu C4 đến ngã tư C4 tiếp giáp xã Thanh Hưng	3.234	1.940	1.078

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
35	Đường Hoàng Văn Nô			
35.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (cổng Bệnh viện tỉnh) đến hết đất trụ sở Cục Thuế tỉnh Điện Biên (Tiếp giáp đường 60m)	6.020	3.007	1.754
35.2	- Đoạn từ tiếp giáp đường 60m đến ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận	6.272	3.133	1.880
35.3	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận đến ngã ba rẽ vào bản Tà Lèng	6.020	3.007	1.754
35.4	- Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở Trung tâm Chính trị thành phố, xã Thanh Minh	4.032	2.772	2.016
36	Đường Hà Văn Nọa: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến ngã ba tiếp giáp đường Dương Quảng Châu	8.890	4.445	
37	Đường Bùi Đình Cư: ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Văn Ty (cạnh Trường Tiểu học Noong Bua) đến ngã ba tiếp giáp đường Trịnh Văn Huyền	4.613		
38	Đường Nguyễn Ngọc Bảo			
38.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến bùng binh cạnh UBND phường Noong Bua (có khổ rộng 36m)	6.832		
38.2	- Đoạn tiếp giáp bùng binh cạnh UBND phường Noong Bua đến ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu (có khổ rộng 22,5m)	6.034		
39	Đường Trịnh Văn Huyền: đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Đạo Thúy	5.999		
40	Đường Trần Văn Cam: đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến ngã ba tiếp giáp đường Trịnh Văn Huyền	4.613		
41	Đường Đặng Đình Hồ: đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Đạo Thúy đến ngã ba tiếp giáp cổng Bệnh viện Lao Điện Biên	6.034		
42	Đường Trần Đình Hùng: từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất thửa 12 (đối diện bên kia đường là thửa 19) tờ bản đồ số 41	5.292		
43	Đường Lâm Viết Hữu: từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất thửa 29 (đối diện bên kia đường là thửa 38) tờ bản đồ số 41	5.292		
44	Đường Chu Văn Khâm: từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất nhà văn hóa phố 1 (đối diện bên kia đường là thửa 54) tờ bản đồ số 41	5.292		



STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
45	Đường Nguyễn Văn Ty: từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất thửa 33 (đối diện bên kia đường là thửa 65) tờ bản đồ 22	5.999		
46	Đường Hoàng Cầm			
46.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp vào đến hết đất Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên (2 bên đường) - Đường 32m	12.495	6.300	
46.2	- Đoạn tiếp giáp đường 32m đến ngã ba tiếp giáp đường Đặng Đức Song	3.360	1.680	980
47	Đường Lương Thế Vinh: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Điện lực thành phố) đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô	6.041	3.077	1.868
48	Đường Phùng Văn Khầu: từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Thế Vinh	6.041		
49	Đường Đỗ Nhuận			
49.1	- Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất khách sạn Him Lam	5.250	2.625	
49.2	- Đoạn tiếp giáp đất khách sạn Him Lam đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô	2.450	1.222	679
50	Đường Lê Văn Duyệt: Ngã ba tiếp giáp đường Phùng Văn Khầu đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Thế Vinh	4.599		
51	Đường Đặng Đức Song			
51.1	-Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất công ty xăng dầu Điện Biên, phía bên kia hết đất số nhà 68 (bao gồm cả đoạn rẽ lên khu nhà ở Tân Thanh)	8.890	4.452	2.671
51.2	- Đoạn tiếp giáp đất công ty xăng dầu Điện Biên đến tiếp giáp đất Trung đoàn 82	4.389	2.261	1.330
52	Đường Nguyễn Bá Lạc			
52.1	- Đoạn đường 27m tiếp giáp đường Trường Chinh đến tiếp giáp đường 13m	8.890	4.452	
52.2	- Đoạn đường 13m: nối tiếp đường 27m (công sau trường sư phạm) đến ngã tư tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh	5.250	2.626	1.609
53	Đường Phan Tư:			
53.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Lê Trọng Tấn (chân dốc Ta Pô) đến cổng phụ Trung tâm Thương mại thành phố, đối diện bên kia hết đất số nhà 37D	8.890	4.469	



STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
53.2	- Đoạn từ cổng phụ trung tâm Thương mại thành phố, đối diện bên kia tiếp giáp đất số nhà 37D đến tiếp giáp khu quy hoạch tổng mặt bằng khu vui chơi giải trí ven sông Năm Róm (Huy Toàn)	4.606	2.344	
54	Đường Nguyễn Phú Xuyên Khung: từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp Nguyễn Văn Bạch	8.890	4.446	
55	Đường Nguyễn Văn Bạch: từ ngã ba tiếp giáp đường Phan Đình Giót đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất	8.890	4.446	
56	Đường Tạ Quốc Luật			
56.1	- Đoạn từ tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã tư tiếp giáp đường 28m khu Tái định cư số III (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	5.292	2.733	1.537
56.2	- Ngã tư tiếp giáp đường 28m đến ngã ba rẽ vào UBND xã Thanh Hưng	3.581	2.142	1.208
57	Đường Hoàng Đăng Vinh			
57.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Tạ Quốc Luật (Sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ) đến ngã ba tiếp giáp khu Tái định cư số III (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	4.599	2.301	1.332
57.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường 13,5m (thửa 01 lô TDC20) đến hết thửa 07 lô TDC28- khu Tái định cư số III (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	5.292		
58	Đường Dương Quảng Châu			
58.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Quyết Tiến đến ngã ba tiếp giáp đất Trụ sở Liên minh Hợp tác xã	4.599	2.301	1.332
58.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đất Trụ sở Liên minh Hợp tác xã đến ngã tư tiếp giáp đường 13,5m Khu tái định cư mở rộng	5.250	2.631	1.629
58.3	- Từ ngã tư tiếp giáp đất Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên đến ngã ba tiếp giáp đường bê tông 13,5m Khu tái định cư C13	4.084		
58.4	- Từ ngã ba tiếp giáp đường bê tông 13,5m Khu tái định cư C13 đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	5.292		
59	Đường Hoàng Khắc Dược			
59.1	- Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến cổng Trường mầm non Thanh Trường (đối diện hết đất SN16)	4.200	2.100	1.225

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
59.2	- Đoạn tiếp giáp công Trường mầm non Thanh Trường (đối diện tiếp giáp đất SN16) đến cầu máng C8	3.815	2.022	1.124
60	Đường Nguyễn Văn Thuận: Từ ngã ba tiếp giáp đường Quyết Tiến đến ngã ba tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	4.599	2.301	1.332
61	Đường Quyết Tiến: Ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến tiếp giáp Khu vui chơi Đầm Sen (đất thuê của Công ty Phương Uyên)	8.890	4.444	2.705
62	Đường Lộc Văn Trọng: Từ ngã ba tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã ba tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	4.599	2.301	1.332
63	Các đường còn lại tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp			
63.1	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba Hải Quan đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	8.960	4.486	2.741
63.2	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba Hải Quan đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	6.034	3.013	1.883
63.3	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba Hải Quan đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.034	3.011	1.840
63.4	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba Hải Quan đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.5	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.034	3.011	1.840

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
63.6	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.638
63.7	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602
63.8	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Phường Tân Thanh), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.9	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602
63.10	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.11	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.12	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.13	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	8.890	4.448	2.718

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
63.14	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	6.034	3.013	1.883
63.15	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.034	3.013	1.883
63.16	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba Hải quan đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.17	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ cầu trắng (giáp phường Mường Thanh) đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602
63.18	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ cầu trắng (giáp phường Mường Thanh) đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.19	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ cầu trắng (giáp phường Mường Thanh) đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.20	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ cầu trắng (giáp phường Mường Thanh) đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.21	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn còn lại đến hết địa phận Thành phố (đến cầu bản Ten) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602



STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
63.22	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn còn lại đến hết địa phận Thành phố (đến cầu bản Ten) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.23	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn còn lại đến hết địa phận Thành phố (đến cầu bản Ten) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.24	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn còn lại đến hết địa phận Thành phố (đến cầu bản Ten) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.25	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602
63.26	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.27	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.28	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
63.29	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602
63.30	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.31	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.32	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.33	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409
63.34	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316
63.35	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng KT-KT đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.200	2.104	1.286

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
63.36	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng KT-KT đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	3.500	1.747	1.092
64	Đường nối từ đường Sùng Phái Sinh đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Đường đi nghĩa trang Hòa Bình)			
64.1	- Đoạn tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh đến hết đất số nhà 164, đối diện bên kia là đường đi lên trạm thông tin	5.250	2.625	1.575
64.2	- Đoạn tiếp giáp đất số nhà 164 đối diện bên kia đường là đường đi lên trạm thông tin đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất	5.040	2.520	1.470
65	Các đường còn lại trong các tổ dân phố			
65.1	- Các đường có khổ rộng 10m tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh	8.890	4.445	
65.2	- Các đường có khổ rộng 10m tiếp giáp đường đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Thanh Bình	5.250	2.625	1.575
65.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	6.034	3.011	1.833
65.4	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	5.250	2.631	1.629
65.5	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7m đến dưới 11,5m là đường nhựa, bê tông	4.599	2.301	1.332
65.6	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5m đến dưới 7m	4.200	2.100	1.260
65.7	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m	3.409	1.781	1.039
65.8	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3m	2.988	1.493	830
65.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7m đến dưới 11,5m là đường đất, cấp phối	3.549	1.772	1.034
65.10	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	3.885	1.940	1.109
65.11	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	4.235	2.118	1.246



STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
65.12	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5m đến dưới 7m	2.184	1.147	626
65.13	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m	2.002	1.002	623
65.14	- Các đường đất còn lại dưới 3m	1.792	897	512
66	Các đường còn lại trong các bản			
66.1	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	4.224	2.107	1.283
66.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	3.675	1.842	1.140
66.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7m đến dưới 11,5m là đường nhựa, bê tông	3.219	1.611	932
66.4	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5m đến dưới 7m	3.108	1.554	932
66.5	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m	2.380	1.243	725
66.6	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3m	1.865	932	518
66.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7m đến dưới 11,5m là đường đất, cấp phối	2.485	1.241	724
66.8	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	2.720	1.358	776
66.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	2.965	1.483	872
66.10	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5m đến dưới 7m	1.764	924	504
66.11	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m	1.344	672	420
66.12	- Các đường đất còn lại dưới 3m	1.176	588	336
67	Đường vành đai 3 (Asean): Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận thành phố	1.260	630	420
68	Đường cạnh Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên: đoạn đường 24,5m	8.582	4.334	
69	Đường trong khu du lịch sinh thái Him Lam và các đường nối vào khu du lịch sinh thái Him Lam	4.200	2.097	1.198

PHẦN
DIỆN

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
70	Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại thành phố Điện Biên Phủ			
70.1	Đường Võ Nguyên Giáp	28.000		
70.2	Đường cạnh Quảng trường 7/5 (đường 14m)	19.600		
70.3	Đường khổ rộng 13m	12.600		
70.4	Đường khổ rộng 10m	11.200		
70.5	Đoạn từ ngã ba đường Phan Đình Giót đến ngã ba đường cạnh Quảng trường 7/5	12.600		

2. HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	Đường 19,5 m			
1	- Đoạn từ cổng nhà văn hóa tổ 5 tới ngã tư cây xăng (từ thửa đất ở đô thị thửa số 46 tờ bản đồ 23 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 139 tờ bản đồ 31, gồm cả thửa số 13, thửa số 20 tờ bản đồ 30)	2.618	1.078	
2	Đoạn từ ngã tư cây xăng đến ngã tư sân vận động – cổng chào tổ 2 (từ thửa số 94 và thửa số 53 tờ bản đồ 31 đến hết thửa số 6 đất chưa sử dụng và thửa số 67 đất chưa sử dụng, tờ bản đồ 32) (trừ khu vực đấu giá tổ 5 từ đường đôi đến trụ sở Kho bạc Nhà nước và khu vực đấu giá cổng chào tổ 2).	3.080	1.194	
3	Đoạn từ ngã tư sân vận động – cổng chào tổ 2 đến ngã 3 đường bê tông sang tổ 1 (từ thửa đất số 40 đất giao thông tờ bản đồ 32 đến hết thửa đất đai tường niệm thửa số 28 tờ bản đồ 33)	1.194	462	
4	Đoạn từ ngã 3 đường bê tông sang tổ 1 đến hết ngã ba nhà công vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (từ thửa đất chưa sử dụng thửa đất số 5 tờ bản đồ 33 đến thửa số 57 đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác và thửa 56 đất TSC tờ bản đồ 26 (trong đó có thửa đất số 3 đất bằng chưa sử dụng tờ bản đồ 33)	1.117	424	193
5	Đoạn từ ngã 3 nhà công vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đến ngã tư lối rẽ lên Công an huyện – trường tiểu học – Tòa án huyện (từ thửa đất ở đô thị thửa 48 và đất chưa sử dụng thửa số 58 tờ bản đồ 26 đến hết thửa đất số 8 đất thủy lợi tờ bản đồ 24)	1.232	539	
6	Đoạn từ ngã tư Công an huyện – trường tiểu học – Tòa án xuống ngã 3 rẽ lên UBND, qua ngã 3 khu liên hợp thể thao đến cổng nhà văn hóa tổ 5 (thửa đất cơ sở văn hóa số 29 tờ bản đồ 23 đến hết thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 92 và sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 45 tờ bản đồ 23)	1.386	616	
II	Trục đường đôi			
1	- Từ thửa đất ở đô thị thửa đất số 41 tờ bản đồ số 31 chỗ ngã ba giao đường 19,5m đến ngã ba cổng trung tâm hội nghị (trừ khu đấu giá tổ 5 và lô đất chợ trung tâm trong nhà)	2.657	1.155	
2	- Lô đất chợ trung tâm - trong nhà (thửa đất chợ thửa số 6 tờ bản đồ 31)	2.657	1.155	
III	Đường 16,5m			
1	Đoạn từ thửa đất xây dựng trụ sở cơ quan khu ngã ba Bưu điện – Trạm thú y – Trạm bảo vệ thực vật đến khu ngã tư Chi cục thuế (từ thửa số 79 tờ bản đồ 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 56 đến hết thửa đất ở đô thị số 39 và thửa đất số 48 đất xây dựng trụ sở cơ quan tờ bản đồ 23)	1.309	693	
2	Đoạn từ ngã tư Chi cục thuế đến ngã 3 phía sau Nhà truyền thống (thửa đất số 15 đất xây dựng trụ sở cơ quan tờ bản đồ số 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 38, vòng lên hết thửa đất ở đô thị 62 tờ bản đồ 24)	924	385	
3	Đoạn từ ngã 3 sau Nhà truyền thống vòng ra sau chợ tới ngã ba đường 19,5m (ngã 3 Kho bạc, trừ khu đấu giá tổ 5)	770	308	



STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4	Đoạn từ ngã ba cây xăng đi qua Chi nhánh điện rẽ phải sang ngã tư Nhà khách đối diện chợ (từ thửa đất ở đô thị thửa số 24 và thửa đất đồi núi chưa sử dụng thửa số 28 tờ bản đồ 31, thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 13 tờ bản đồ 31 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 32 tờ bản đồ 31)	1.232	539	
5	Đoạn từ ngã tư Chi cục thuế (thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 16 và thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 92 tờ bản đồ 23) đến ngã ba khu liên hợp thể thao giao đường 19,5m	1.232	539	
6	Đoạn từ ngã ba Bưu điện – Trạm Bảo vệ thực vật – Chi cục thú y đi qua trung tâm hội nghị đến hết đất chợ (từ thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 78 tờ bản đồ 23 và thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 12 tờ bản đồ 31 đến thửa đất chợ thửa số 6 tờ bản đồ 31- trừ thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 9 tờ bản đồ 31)	1.232	539	
IV	Đường 13,5m			
1	- Khu đấu giá tổ 2 (lối vào trụ sở UBND thị trấn mới)	770	308	139
2	- Đoạn từ cổng chào tổ 2 đến thửa đất ở đô thị số 17 tờ bản đồ 36 đối diện thửa đất ở đô thị thửa số 19 tờ bản đồ 36	924	385	185
3	- Đoạn từ thửa 81 tờ bản đồ 52 đến hết thửa đất ở đô thị số 12 tờ bản đồ số 42	539	231	108
4	Đoạn từ ngã ba nhà công vụ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện đến nhà ông Lò Văn Chiên (từ thửa đất ở đô thị thửa số 49 tờ bản đồ 26 và đối diện sang bên kia đường hết thửa đất 24 và 27 tờ bản đồ số 18)	1.078	462	193
5	Đoạn từ ngã 3 trước cổng trường Trần Can đến hết trường Trung học cơ sở thị trấn (thửa đất trồng cây lâu năm thửa số 43 tờ bản đồ 26 đến hết thửa đất cơ sở giáo dục - đào tạo thửa số 20 tờ bản đồ 10)	616	270	116
V	Đường 11,5 m			
1	Đoạn từ cổng huyện đội vòng ra sau trụ sở Huyện ủy và UBND huyện, qua phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đến ngã ba trường THCS – THPT Trần Can (thửa đất CPQ số 7 tờ 22, vòng ra sau thửa số 25 tờ bản đồ 15 qua thửa 21 tờ bản đồ 15 đến hết thửa đất ở đô thị số 31 tờ bản đồ 18)	739	308	131
2	Đoạn từ cổng trường Phổ thông DTNT huyện qua cổng UBND huyện khu vực Toà án huyện xuống chân dốc ngã 3 Công an huyện – trường Tiểu học thị trấn (từ toàn bộ thửa đất cơ sở giáo dục - đào tạo số 21 và đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 11 tờ bản đồ số 21 đến chân dốc ngã 4 Công an huyện – trường Tiểu học thị trấn).	739	308	131
3	Đoạn từ ngã 3 phòng Tài chính - Kế hoạch huyện lên trước cổng UBND huyện, xuống dốc gặp trục đường 19,5m.	739	308	131
4	Đoạn từ thửa đất ở đô thị thửa số 31 tờ bản đồ 25 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 3 tờ bản đồ 25	539	231	108
VI	Đường khác và các vị trí còn lại			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Đoạn từ ngã tư cây xăng qua trước cửa cơ quan Tầm nhìn thế giới (từ sau thửa đất ở đô thị số 139 tờ bản đồ 31 đến hết thửa đất ở đô thị số 11 tờ bản đồ 36 và 127 tờ 31)	539	231	92
2	Đoạn từ ngã tư phòng Văn hóa – Hạt kiểm lâm tới khu đầu giá tổ 5 (từ thửa đất thủy lợi thửa số 19 tờ bản đồ 30 đối diện thửa đất cơ sở sản xuất, kinh doanh thửa số 17 tờ bản đồ 30 đến hết thửa đất ở đô thị số 53 tờ bản đồ 30)	578	270	116
3	Đoạn từ thửa đất ở đô thị thửa số 50 tờ bản đồ 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 54 tờ bản đồ 24 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 41 và thửa đất ở đô thị thửa số 61 tờ bản đồ 24	655	431	
4	Các vị trí đất đồi dốc, vị trí xa trung tâm hoặc xa trục đường nhựa	308	185	77
5	Đoạn từ ngã ba Thị trấn – Pu Nhi theo trục đường đi Pu Nhi đến hết đường bê tông (từ thửa đất ở đô thị số 5 tờ 12 đến đầu thửa đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt 11 tờ bản đồ 66)	347	193	92
6	Đoạn từ ngã 3 Thị trấn – Pu Nhi đến ngã 3 tổ 1, rẽ phải sang khu vực bãi rác (từ thửa đất ở tại đô thị thửa số 7 tờ bản đồ 12 đến hết thửa đất ở tại đô thị thửa số 18 tờ bản đồ 40)	347	193	92
7	Đoạn từ ngã 3 tổ 1 rẽ theo hướng Na Son qua cổng Bệnh viện, đến hết ngã 3 đường bê tông (từ thửa đất ở tại đô thị thửa số 7 và số 14 tờ bản đồ 20 đến hết thửa đất ở tại đô thị thửa số 10 tờ bản đồ 76)	347	193	92
8	Khu quy hoạch dân cư phía Bắc	462	270	116
9	Đoạn từ thửa đất bằng chưa sử dụng thửa số 83 tờ bản đồ số 18 đến ngã ba đi Pu Nhi	462	216	100
10	Đoạn ngã 3 đối diện bể bơi đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 25 tờ bản đồ 22	539	231	92
11	Đường đôi sân vận động	2.002	924	385
12	Các vị trí còn lại	262	116	69



3. HUYỆN MUỜNG ẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	Trục đường QL 279 thị trấn Mường Ảng áp dụng cho đoạn đường sau: (đi theo chiều từ xã Ảng trở đến chân đèo Tăng Quái)			
1	Đoạn QL 279 từ ranh giới hành chính 364 (Ảng Tở - TT Mường Ảng) đến hết trạm xăng dầu số 9.			
1.1	Đoạn đường ranh giới hành chính 364 (Ảng Tở - TT Mường Ảng) đến đường rẽ vào bãi đá (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Trần Danh Thêu - Tổ dân phố 10)	1.771	708	531
1.2	Đoạn đường rẽ vào bãi đá (đối diện bên kia đường từ đất gia đình ông Trần Danh Thêu) đến hết đất gia đình ông Nguyễn Mạnh Thắng - (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông: Nguyễn Phương Chiến - Tổ dân phố 10)	1.925	770	578
1.3	Đoạn đường từ biên đất gia đình ông Nguyễn Mạnh Thắng (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Phương Chiến) đến hết đất trạm xăng dầu số 9 - Tổ dân phố 9 (Đối diện bên kia đường là hết đất gia đình ông: Nguyễn Thái Lương- TDP 9)	2.310	1.848	1.463
2	Đoạn đường QL 279 từ biên đất trạm xăng dầu số 9 (Đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Thái Lương) đến hết biên đất gia đình bà Khiếu Thị Nụ (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Nguyễn Đức Dư)			
2.1	Đoạn đường từ biên đất trạm xăng dầu số 9 (Đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Thái Lương) đến hết đất gia đình Đỗ Văn Dũng (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình bà Bùi Thị Bé - TDP 8)	2.695	1.078	809
2.2	Đoạn đường từ biên đất gia đình ông Đỗ Văn Dũng (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình bà Bùi Thị Bé - TDP 8) đến hết đất bà Khiếu Thị Nụ (Đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Nguyễn Đức Dư)	3.080	1.232	924
3	Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình bà Khiếu Thị Nụ đến hết đất nhà ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình ông Dương Thái Bình).			
3.1	Đoạn đường từ biên đất gia đình bà Khiếu Thị Nụ (đối diện bên kia đường là từ biên đất gia đình ông: Nguyễn Đức Dư - TDP 8) đến hết biên đất bà Phí Thị Hồng (đối diện bên kia đường là hết biên đất ngân hàng NN&PTNT)	3.465	1.509	1.040

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
3.2	Đoạn đường từ biên đất đội thuế TT (đối diện bên kia đường từ biên đất ngân hàng nông nghiệp và PT nông thôn) đến hết đất gia đình ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Dương Thái Bình - tổ dân phố 5).	3.542	1.833	1.063
4	Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Dương Thái Bình - tổ dân phố 5) đến hết đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Lê Xuân Hồng.)			
4.1	Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình ông Vi Văn Rèn (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Dương Thái Bình - tổ dân phố 5) đến hết đất gia đình ông Nguyễn Văn Sinh (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình bà Tâm Sừ - TDP5)	3.504	1.401	1.051
4.2	Đoạn từ biên đất gia đình ông Nguyễn Văn Sinh (Đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình bà Tâm Sừ - TDP5) đến hết đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường hết đất gia đình ông Lê Xuân Hồng).	2.464	986	739
5	Đoạn đường QL 279 từ biên đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Lê Xuân Hồng.) đến cổng của chân đèo.			
5.1	Đoạn từ biên đất gia đình ông Hà Bầy (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Lê Xuân Hồng) đến hết đất gia đình ông Khôi (đối diện bên kia đường là đường đi trung tâm hành chính huyện)	2.233	893	670
5.2	Đoạn từ biên đất gia đình ông Khôi (đối diện bên kia đường là đường đi trung tâm hành chính huyện) đến hết đất nhà sàn ông Tiến Xuân	2.079	832	624
5.3	Đoạn từ nhà sàn ông Tiến Xuân đến cổng của chân đèo	1.155	462	347
II.	Từ trục đường QL 279 Thị Trấn Mường Ảng rẽ đi các ngã áp dụng cho các đoạn đường sau:			
1	Đoạn đường rẽ đi Ảng Cang từ QL 279 đến đường rẽ vào khu tái định cư bản Hón			
1.1	Đoạn đường rẽ đi Ảng Cang từ QL 279 đến hết đất gia đình ông Nguyễn Đức Mạnh (đối diện hết đất gia đình ông Thu Thuyết - Tổ dân phố 7)	4.851	2.041	1.455
1.2	Đoạn đường giáp biên đất gia đình Nguyễn Phúc Luân (Hoà) đến hết đất bà Chu Thị Hoài (Đối diện hết đất gia đình bà Nguyễn Thị Lựu)	4.543	1.810	1.363

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1.3	Đoạn từ nhà bà Chu Thị Hoài (đối diện hết đất gia đình bà Nguyễn Thị Lựu) đến tiếp giáp đường 27m	3.850	1.478	1.155
1.4	Đoạn từ ngã tư đường giao nhau với đường 42 m đến đường rẽ vào khu tái định cư bản Hón	2.695	1.078	809
2	Đoạn đường trước lô đấu giá NV20 từ biên đất gia đình ông Nguyễn Đức Mạnh đối diện bên kia là biên đất gia đình ông Tạo (Dâu) đến đường đi Ảng Nua.	3.542	1.417	1.063'
3	Đoạn đường rẽ đi Ảng Nua: Từ QL 279 đến hết đất gia đình ông Tống Văn Ba (Tổ dân phố 6) (đối diện bên kia đường là hết đất Nhà văn hóa TDP6)	3.542	1.417	1.063
4	Đoạn đường đi Ảng Nua: từ biên đất gia đình ông Tống Văn Ba tổ dân phố 6 (đối diện bên kia đường là hết đất Nhà văn hóa TDP 6) đến hết đất gia đình Hạnh Ngừ (đối diện bên kia đường là hết đất gia đình ông Hứa Trụ Tám)	2.002	801	601
5	Đoạn từ biên đất gia đình Hạnh Ngừ (đối diện bên kia đường từ biên đất gia đình ông Hứa Trụ Tám) đến hết biên đất nhà ông Thừa (đối diện bên kia là hết biên đất gia đình ông Phương Thanh)	1.938	775	581
6	Đoạn từ biên đất nhà ông Thừa (đối diện bên kia là biên đất gia đình ông Phương Thanh) đến mốc 364 (Thị trấn - Ảng Nua)	924	370	277
7	Đường đi trung tâm hành chính huyện đoạn từ QL 279 (Từ biên đất nhà bà Tại đối diện biên đất ông Xá) đến cầu bê tông			
7.1	Đường đi trung tâm hành chính huyện đoạn từ QL 279 (Từ biên đất nhà bà Tại đối diện biên đất ông Xá) đến hết đất nhà ông Khang thủy (Một bên là nhà bà Mơ Khuân)	3.850	1.540	1.155
7.2	Đoạn từ nhà ông Khang thủy (Một bên là nhà bà Mơ Khuân) đến cầu bê tông	3.465	1.386	1.040
7.3	Đoạn từ cầu bê tông đến khu trung tâm hành chính huyện (Áp giá cho 2 bên đường)	2.695	1.078	809
8	Đoạn đường nội thị: Từ ngã ba tổ dân phố 1 (từ biên đất gia đình ông Thừa) đến QL 279	1.001	400	300
9	Đoạn đường nội thị: Từ biên đất gia đình ông Ty đến QL 279	1.155	462	347
10	Đoạn đường bê tông thuộc các Tổ dân phố 1,3,4,5,6,7,8,9,10			
10.1	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 1, đường bê tông thuộc bản Hón	424	203	127
10.2	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 3	655	314	196
10.3	Đoạn đường bê tông thuộc Tổ dân phố 4	693	333	208

